TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 92/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-4-2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tạ Công Minh

2/ Ông Phùng Văn Long

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Lê Thị Kim N,** sinh năm: 1992

Địa chỉ: ấp BP, xã BT, huyện CT, tỉnh TG.

- Bị đơn: **Nguyễn Cao H**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: ấp BP, xã BT, huyện CT, tỉnh TG.

(Chị N có mặt; Anh H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Kim N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Nguyễn Cao H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NB, huyện CT, tỉnh TG. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại quê của N ở xã BT. Cuộc sống vợ chồng khá hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh H không quan tâm, chăm sóc vợ con, anh H có mâu thuẩn và không tôn trọng cha mẹ của chị N. Đến khoảng tháng 10/2023 anh H bỏ về quê sống và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Cao H.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Lê Anh T1, sinh ngày 09/5/2009; Nguyễn Lê Anh T2, sinh ngày 24/7/2018 và Nguyễn Lê Anh D, sinh ngày 02/10/2020. Hiện 03 con chung đang sống cùng chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi cháu là 1.000.000đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Cao H có đơn xin vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 03/4/2024 anh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Lê Anh T1, sinh ngày 09/5/2009; Nguyễn Lê Anh T2, sinh ngày 24/7/2018 và Nguyễn Lê Anh D, sinh ngày 02/10/2020. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh H đồng ý giao 03 con cho chị N nuôi dưỡng. Anh H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố

tụng của những người tham gia tố tụng, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định. Về nội dung giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Kim N.

- Về con chung: Giao 03 con chung tên Nguyễn Lê Anh T1, sinh ngày 09/5/2009; Nguyễn Lê Anh T2, sinh ngày 24/7/2018 và Nguyễn Lê Anh D, sinh ngày 02/10/2020 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N chưa có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1] – Về tố tụng**: Bị đơn anh Nguyễn Cao H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[**1] – Về nội dung yêu cầu:** Chị Lê Thị Kim N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Cao H. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Chị N và anh H xác lập hôn nhân vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[1.2] Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa chị Ngân và anh Hiền đã phát sinh nhiều mâu thuẩn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cải vả. Chị N và anh H đã không còn sống cùng nhà từ tháng 10/2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn. Từ đó nhận thấy mâu thuẩn giữa chị N và anh H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với bị đơn anh Nguyễn Cao H không đồng ý ly hôn với chị N nhưng anh H không đưa ra được giải pháp để vợ chồng hàn gắn, đồng thời tại phiên tòa anh H vắng mặt chứng tỏ anh H không có ý định hàn gắn hạnh phúc gia

đình, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Về con chung: Chị N và anh H có 03 con chung tên Nguyễn Lê Anh T1, sinh ngày 09/5/2009; Nguyễn Lê Anh T2, sinh ngày 24/7/2018 và Nguyễn Lê Anh D, sinh ngày 02/10/2020, các cháu hiện đang sống cùng chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả ba con chung và anh H cũng đồng ý giao ba con chung cho chị H nuôi dưỡng. Do vậy, Hội đồng xét xử cần giao ba cháu Anh T1, Anh T2 và Anh D cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở và phù với nguyện vọng của con chung.

[1.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.5] Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Kim N.

- Chị Lê Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Cao H.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Anh T1, sinh ngày 09/5/2009; Nguyễn Lê Anh T2, sinh ngày 24/7/2018 và Nguyễn Lê Anh D, sinh ngày 02/10/2020 cho chị Lê Thị Kim N tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Cao H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con; Không có yêu cầu.

3/ Về án phí: Chị Lê Thị Kim N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0010870 ngày 25/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã NB;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Chinh